

Phẩm 15: THẬP TRỤ

- Số từ câu: “Lại, trước là biện giải về chỗ nương dựa nơi đức của Phật” tiếp xuống: Trên tức là biện minh chung. Từ đây trở xuống là hiển bày riêng. Trên là ý xưa. Từ đây trở đi là ý hiện tại, như trước đã nêu rõ.

- Số từ câu: “Hai là giải thích tên gọi của Phẩm” tiếp xuống: Văn nơi bản Sở giải gồm hai:

Một: Giải thích lý do của việc được mang tên.

Hai: Từ câu: “Nói chung về mười Trụ” tiếp xuống: Là giải thích về tên gọi của mười Trụ.

Trong phần một thì Trụ có hai nghĩa:

Một là, căn cứ nơi chủ thể đối tượng kết hợp để giải thích. Cho nên nói: “Tuệ trụ nơi Lý.” Tức Lý là đối tượng được trụ, Tuệ là chủ thể Trụ.

Hai là, chỉ căn cứ nơi Tuệ để giải thích. Tín thì chưa phải là cuối cùng, tốt bậc. Tuệ chưa là an trụ. Phải hội nhập nơi Chánh vị thì quả vị này không còn dao động nên nói là “Đạt được quả vị Bất thối”. Nhưng quả vị Bất thối lại có hai nghĩa:

Thứ nhất: Căn cứ theo ba Thừa thì đến quả vị là Trụ thứ bảy mới là Bất thối.

Thứ hai: Căn cứ nơi Chung giáo tức vào quả vị Trụ thứ nhất thì gọi là Bất thối, khác với Bồ tát nơi mười Tín.

Nay dựa nơi nghĩa thứ hai, tức chung cả mười Trụ đều là bậc Bất thối, ngay từ Trụ thứ nhất đã được mang tên. Kinh Bản Nghiệp viết: “Mới hội nhập nơi cõi không” tức chứng đắc nghĩa thứ nhất. “Trụ nơi bậc Tánh không” tức chứng đắc nghĩa sau.

- Số từ câu: “Hội trước không có sự càng tăng tiến hơn” tiếp xuống: Trên là chính thức nhận định về văn kinh. Từ đây trở xuống là đối chiếu với trước để biện giải về chỗ khác nhau.

Từ câu: “Hội hướng là bậc...” tiếp xuống: Là thông tỏ vấn nạn từ bên ngoài.

Trước là nhắc lại vấn nạn.

Từ câu: “Quả vị ba Hiền đầy đủ” tiếp xuống: Là phần thông tỏ. Chỗ thông tỏ có hai ý:

Một: Nêu rõ là có sự tăng tiến hơn nên thâu tóm chung ba phẩm trước, do vậy mà không lập riêng.

Hai: Từ câu: “Cho nên cũng hiển bày” tiếp xuống: Là biện minh

không có sự tăng tiến, tức phần sau không nói đến phương tiện, nhằm làm rõ Trí không phân biệt.

- Số câu: “Biện giải tóm lược về sáu ý (do đâu mà nhập định)”: Ba ý trước thì chọn lấy phần tiếp sau để bàn về uy thế. Ba ý ấy đại thể thì giống nhau, chỉ có chút ít khác biệt. Sáu ý là:

Một: Đối tượng được chứng đắc là Thể của pháp. Muốn nêu bày chỗ pháp quan trọng ấy thì Tâm phải khế hợp sâu xa với Thể đó.

Hai: Chẳng phải chứng đắc thì không thể nêu giảng. Là phân biệt với người chưa chứng đắc, cũng thuận nơi Tâm hợp với pháp.

Ba: Đây chẳng phải là cảnh giới của tư duy, lường tính. Dứt bật mọi nẻo tư duy mới thuyết giảng, cũng chung cho trường hợp chưa chứng đắc.

Nói “Đại thể thì giống nhau” Tức dứt bật mọi tư duy thì chứng đắc. Chứng đắc thì khế hợp với Thể.

Bốn: Xem rõ về căn cơ thì biết chỗ cần thích ứng với bệnh. Xét kỹ về pháp thì thấu tỏ công dụng của thuốc. Chẳng xem rõ căn cơ của người nghe thì chẳng nên thuyết pháp. Chẳng xét kỹ về pháp mà nêu bày thì lý sự thường trái nhau. Hợp bệnh cho thuốc thì khiến cho người bệnh uống đúng thuốc, bệnh khỏi.

Năm: Tâm tán loạn thì không thể kham nhận sự gia hộ của chư Phật.

Sáu: Bồ tát luôn có tâm định, chính là để làm phép tắc cho mọi đối tượng. Bồ tát sắp thuyết giảng hãy còn phải nhập định, hướng hồ là hàng phạm phu.

- Số câu: “Là bậc thượng thủ của chúng hội”: Đây có hai ý:

Một: Căn cứ nơi tướng của sự giáo hóa thì gọi là hàng thượng thủ trong chúng hội.

Nói “Những người khác nhập định thì động loạn”: Đây tức là ý của Luận (Luận Thập Địa). Nghĩa là có người nêu câu hỏi: “Há trong Hải hội này không có ai như Bồ tát Pháp Tuệ chẳng?” Nên đáp lại là: “Chúng hội tuy đức như nhau, nhưng nếu nhiều người cùng tranh nhau nhập định thì sẽ động loạn.” Tiếp theo sẽ hỏi: “Thế nào là nhập không loạn động?” Đáp: “Chúng đã được điều phục” Nên văn nơi bản Số giải viết: “Những người khác nhập thì loạn động do chẳng được điều phục”.

Hai: Từ câu: “Nhằm hiển bày về mười Trụ” tiếp xuống: Là căn cứ nơi pháp được biểu hiện mà nói.

- Số từ câu: “Giữ vững lấy tánh có thể nhận biết” tiếp xuống: Là

giải thích chữ “Phương tiện”. Đây có hai ý:

Một: Do dứt tuyệt tâm phân biệt nên gọi là Phương tiện. Như phần văn tiếp theo nói: “Dùng chỗ không thủ đắc mà làm phương tiện” Trong Kinh, phần nói về địa thứ nhất cho rằng: “Trí không phân biệt là Đại phương tiện”.

Hai: Căn cứ nơi sự khéo léo, Sự Lý không ngại, như thường được biện minh.

- Sớ câu: “Cùng tạo nên sự tăng trưởng”: Trước thì Phật gia hộ là Duyên của sự nhập định. Còn ở đây thì nhập định là duyên của Phật hiện bày.

- Sớ câu: “So sánh với Hành thì vẫn còn thua kém” Vì Hành là một vạn. Chỗ hướng tới của Hành, trước đã có nên đối chiếu với trước để biện giải về chỗ vượt hơn. Nay, trước chưa có nên so sánh với sau mà nói là thua kém. Các nghĩa còn lại hầu hết giống với thập Địa. Tuy quả vị của các bậc Hiền Thánh khác nhau, nhưng nghi thức, phép tắc thì tương tự. Lại nữa, Viên giáo xem mười Trụ giống với thập Địa.

- Sớ câu: “Cùng nói về nhân duyên việc gia hộ cho sự nhập định”:
Văn nơi bản Sớ giải gồm hai:

Một: Giải thích tóm lược về văn Kinh.

Hai: Nhận định, phân biệt về chỗ giống nhau, khác nhau.

- Nơi phần một lại chia làm hai:

Một là, nêu rõ về bốn Nhân.

Hai là, giải thích câu: “Khiến ông- Bồ tát Pháp Tuệ- thuyết pháp”. Trong đây, nói: “Khiến ông thuyết pháp là nhân của sự gia hộ” ý là nhằm nêu rõ về nhân của sự gia hộ, cũng có bốn nhân.

Phần tiếp sau là chính thức giải thích ba nhân sau, cũng lại là Nhân của sự gia hộ, thêm sự thuyết pháp tức là bốn Nhân. Nhưng vì thuyết pháp tức là nhập định, nên phần sau nêu dẫn các Hội để kết hợp việc thuyết pháp với nhập định là một. Gốc của nhập định là thuyết pháp. Nhập định đã là Nhân của sự gia hộ, thì thuyết pháp tức là Nhân của sự gia hộ. Do vậy, phần đầu nêu: “Một là tán thán có nhân của sự gia hộ”.

- Sớ từ câu: “Tuy nhiên, Luận Thập Địa giải thích” tiếp xuống:
Là phần hai, nhận định, phân biệt về chỗ giống nhau, khác nhau. Gồm hai:

Một: Biện giải về nhân duyên của sự gia hộ cho việc nhập định.

Hai: Nêu rõ về chỗ trước sau nơi sự gia hộ và nhập định.

Trong phần một được chia làm ba chi tiết:

Một là, nêu dẫn Luận để đối chiếu giải thích.

Hai là, nêu ra chỗ thuận, trái của kiến giải đã có từ trước.

Ba là, bàn rộng về nghĩa chính theo hiện nay.

Một là: Tức chư Phật, Phật Lô Giá Na đều do nguyện lực. Hai nguyện ấy đều là Nhân của sự gia hộ.

Nhưng nói “Bốn đoạn” tức là bốn Nhân nêu trên. Tức chư Phật là một, Phật Lô Giá Na là hai, uy thần là ba, Tự có điều thiện là bốn. Nhưng Luận chỉ nêu có hai Nhân. Nay cho nguyện lực của Phật Giá Na là Nhân của sự gia hộ. Đối chiếu nơi hai Nhân sau, cũng là Nhân của sự gia hộ.

- Số từ câu: “Do trong kinh kia” tiếp xuống: Là chi tiết thứ hai, nêu ra chỗ thuận, trái nơi kiến giải đã có từ trước. Phần này gồm ba:

Một: Nêu ra nguồn gốc của kiến giải đã có từ trước.

Hai: Chính thức bàn rộng về kiến giải ấy.

Ba: Biện giải về chỗ trái.

Một: Nêu đủ chỗ Luận bàn về kinh nói: “Chư Phật đều cùng một hiệu gia hộ uy thần cho ông Bồ tát Pháp Tuệ-đây là diệu lực từ bản nguyện của Phật Lô Xá Na, nên là gia hộ.”

Hai: Từ câu: “Cổ nhân bèn đem” tiếp xuống: Là chính thức bàn rộng về kiến giải ấy. Người xưa thấy chỗ uy thần của chư Phật gia hộ ở trên mà đạt được định. Phần tiếp sau nói: “Đây là diệu lực từ bản nguyện của Phật Lô Xá Na nên là gia hộ”, thì nhân của sự gia hộ đã phân minh nên chia làm hai Nhân, cũng đối chiếu với kinh này, cho hai nhân sau đều là Nhân của sự gia hộ.

Nhưng nói “Chuyển làm Nhân của sự gia hộ”, tức do chẳng nối liền với Nhân trên là đạt được Nhân của sự nhập định, nên nói là “Chuyển làm”, cũng là nghĩa “lần lượt tạo nên”. Đạt được định là do chư Phật gia hộ. Chư Phật gia hộ là do từ diệu lực nơi bản nguyện của Phật chủ nên gọi là “Lần lượt tạo nên”.

Ba: Từ câu: “Cho nên khiến được định” tiếp xuống: Là biện giải về chỗ trái. Hình tướng nơi chỗ trái ấy như thế nào? Chính là do đạt được định không có ba nhân sau nên tưởng chừng như không có lỗi gì. Nhưng thật ra là trái nơi văn lý...(lược bớt)

- Số từ câu: “Chẳng phải chỉ trái với Lý nơi kinh văn” tiếp xuống: Là tóm kết phần đả phá.

Nói “Trái với văn” tức như đã nêu bày ở trên.

Nói “Trái với Lý”, Tức tự mình không có thiện căn, Phật chủ chẳng gia hộ thì sao có thể nhập định?

Câu: “Cũng trái với chỗ giải thích của Luận”: Luận giải thích chỗ “Sự gia hộ của chư Phật cùng một hiệu” nói: “Vì sao cùng một hiệu Kim cương Tạng gia hộ? Là do nguyện lực của Như Lai. Vì sao Như Lai tạo ra nguyện như thế? Là nhằm để hiển bày, chỉ rõ có nhiều Phật. Lại nữa, Tam muội này là Thể của pháp... Cho nên biết rõ là vì Tam muội này mà phát nguyện để gia hộ. Tức hiển bày nguyện là Nhân của của Tam muội. Phần sau nơi bản Sở giải chính thức giải thích sẽ lại nêu rõ về Tướng.

- Sở từ câu: “Về nghĩa như thật” tiếp xuống: Là chi tiết ba, bàn rộng về nghĩa chính theo kiến giải hiện nay. Tức cho Nhân thứ nhất chính là Nhân của sự nhập định. Ba nhân sau thì chung cho cả hai (nhân của sự nhập định và Nhân của sự gia hộ).

Từ câu: “Chư Phật tức dùng nguyện lực” tiếp xuống: Đây là nhằm thông tỏ chỗ vấn nạn. Tức có vấn nạn cho rằng: “Trước nói bốn nhân ấy đều là Nhân của sự gia hộ. Nay sao cho Nhân của sự gia hộ chỉ chọn lấy ba nhân sau?” Nên nay cần giải thích: Trước hết, cần rõ Nhân ở đây có hai:

Một: Căn cứ nơi văn hiện có. Đây là chư Phật trong mười phương cùng gia hộ cho Bồ tát Pháp Tuệ, tức là Tướng của sự gia hộ. Chỉ có thể do gia hộ nên được gọi là Nhân của sự nhập định. Chẳng nên dùng sự gia hộ cho chính mình cho là Nhân của sự gia hộ.

Hai: Nếu căn cứ nơi Luận nói “Chư Phật với nguyện từ xưa nên gia hộ” thì chư Phật cũng là Nhân của sự gia hộ. Do vậy trước nói “Bốn nhân đều là Nhân của sự gia hộ”. Phần sau, dẫn văn của Luận để chứng minh, xác nhận Nguyện là nghĩa nơi Nhân của sự gia hộ.

Nói chung ý của Luận là như thế. mà ý nơi bản Sở giải thì Nhân của sự gia hộ cũng có bốn. Tự mình dùng sự nhập định là một, như chỗ đã biện minh ở trên.

- Sở từ câu: “Hỏi: gia hộ cùng với định...” tiếp xuống: Là phần thứ hai (của phần Nhập định về chỗ giống nhau, khác nhau), biện giải về chỗ trước sau của sự gia hộ và nhập định. Phần này gồm hai:

Một: Nêu câu hỏi.

Hai: Từ câu: “Cổ nhân đáp” tiếp xuống: Là phần đáp. Phần đáp gồm ba chi tiết:

Một là, Nêu ra kiến giải có từ trước.

Hai là, Biện giải về chỗ trái.

Ba là, Bàn rộng về nghĩa chính.

- Sở từ câu: “Chỗ giải thích ấy cũng không thuận hợp” tiếp xuống:

Là chi tiết hai, biện giải về chỗ trái. Gồm hai:

Thứ nhất: Biện minh về chỗ trái nơi văn.

Thứ hai: Từ câu: “Như nói cùng lúc” tiếp xuống: Là lại biện giải về chỗ trái nơi Lý. Phần này lại chia làm hai:

Một: Chính thức biện giải.

Hai: Từ câu: “Cũng chẳng nên dẫn” tiếp xuống: Là nhằm ngăn chặn sự biện hộ giúp. Vì sợ có chỗ biện hộ giúp, cho rằng:

Luận Câu Xá có đoạn:

*“Cùng có, cùng là Quả
Như đại, Tướng sở Tướng
Tâm nơi tâm tùy chuyển...”*

Giải thích:

“Cùng có” (Câu hữu) là cùng lúc mà có.

“Cùng là Quả” là giải thích về nghĩa “Nhân cùng có” (Câu Hữu nhân).

Luận viết: “Nếu pháp lại cùng là “Quả sử dụng”, thì pháp kia lại cùng là Nhân cùng có. Hai câu sau nơi Tụng trên là chỉ cho Thể của pháp. Ở đây có ba loại:

Một: “Như đại” tức là bốn đại chủng, hổ tương, nhờ đấy mà phát sinh chỗ tạo ra Sắc, nên cùng đối chiếu nhau, là “Nhân cùng có”.

Hai: “Tướng sở Tướng”: Tướng tức là bốn Tướng lớn như Sinh v.v... (Sinh, Trụ, dị, diệt). bốn Tướng lớn này cùng với đối tượng nơi Tướng là pháp lại cùng là Quả. Tức là chủ thể của Tướng ấy tương hợp với đối tượng nơi Tướng. Lại do cả hai cùng chuyển biến nên cùng là Quả.

Ba: “Tâm nơi Tâm theo đấy mà chuyển”: Tức là Tâm vương cùng với Tâm sở chuyển biến theo pháp, cũng lại cùng là Quả.

Giải thích: Nghĩa là, sự biện hộ giúp kia cho rằng: “Nhân quả cùng có, đã được xem là cùng là, nên sự gia hộ và nhập định cùng là, tại sao lại chẳng thể được?” Nên ở đây cần ngăn chặn: “Ba loại pháp kia đều chẳng cùng lìa nhau. Như “Tướng, Sở Tướng”. Đối tượng nơi tướng không có chủ thể của tướng thì chẳng thành sự tạo tác. Chủ thể của Tướng không có đối tượng nơi Tướng thì không có chỗ nương dựa. Nay, hoặc có sự gia hộ mà chẳng nhập định, hoặc khi nhập định thì chẳng cần phải có sự gia hộ. Thuận cho cả hai cùng lìa nhau thì làm sao thành so sánh?”

- Số từ câu: “Như chính thức giải thích” tiếp xuống: Là chi tiết ba, bàn rộng về nghĩa chính theo hiện nay.

Nói “Lần lượt cùng thành” là nêu lên sở nguyện của Phật v.v... là được gia hộ. Sở dĩ cần được gia hộ là để thuyết pháp. Nếu lại giải thích thêm nữa thì có bốn lớp:

Một: Nguyện lực của chư Phật là nhập Tam muội.

Hai: Nhập Tam muội để được gia hộ.

Ba: Sở dĩ gia hộ là để thuyết pháp.

Bốn: Thuyết pháp là để làm gì? Là để cho Bồ tát được tăng trưởng trí Tuệ của Phật.

- Sở câu: “Trước hết là Miệng gia hộ, khuyến khích thuyết pháp để tăng trưởng biện tài”: Ở đây có ba ý:

Một: Nêu tên gọi về miệng gia hộ.

Hai: Khuyến khích thuyết giảng là Tướng của sự gia hộ.

Ba: Để tăng trưởng sự biện tài là ý nghĩa của sự gia hộ. Cũng là ích lợi của sự gia hộ.

Hai nghiệp tiếp theo (Thân, Ý) thì theo đấy mà nhận biết.

- Sở câu: “Luận gọi là chẳng chấp trước nơi chỗ biện tài”: Chỗ thọ nhận giáo pháp có một ít khác biệt nhưng so với chỗ biện tài thì đại thể là giống nhau, nên có thể dẫn Luận để giải thích. nay Kinh đã có chỗ bàn rộng về nghĩa tướng, như phần Sở giải về thập Địa.

- Sở từ câu: “Nhưng ba sự gia hộ đồng thời” tiếp xuống: Trên là giải thích văn. Từ đây trở xuống là biện giải về thứ lớp.

- Sở từ câu: “Kinh Lăng Già nói” tiếp xuống: Là dẫn chứng. Tức nơi quyển thứ hai, Kinh viết: “Lại nữa Đại Tuệ! Như Lai dùng hai thứ thần lực kiến lập, khiến cho Bồ tát Ma Hra tát đánh lễ chư Phật, hỏi nghĩa, nghe và thọ nhận giáo pháp. Thế nào là hai thứ thần lực kiến lập? Đó là thần lực dùng pháp Tam muội chánh thọ, hiện tất cả thân tướng để giảng nói; cùng thần lực dùng tay xoa lên đỉnh đầu.

Này Đại Tuệ! Đại Bồ Tát ở địa Bồ tát thứ nhất, trụ nơi thần lực của Phật, đó là Bồ tát nhập Tam muội Đại thừa Chiếu Minh. Nhập Tam muội này rồi thì tất cả chư Phật trong mười phương thế giới dùng diệu lực nơi thần thông, thị hiện tất cả thân tướng để nêu bày giảng nói, như đại Bồ tát Kim Cang tạng cùng các đại Bồ tát khác đã thành tựu tướng công đức như thế...”

Phần tiếp dưới viết: “Đại Tuệ! Nếu đại Bồ tát là hai thứ thần lực của Phật mà có được biện tài thuyết pháp, thì tất cả hàng phàm phu cũng có được biện tài thuyết pháp”.

Giải thích: Nay nơi bản Sở giải nêu dẫn nghĩa chính là dẫn văn của phần sau, theo cách giải thích nói ngược lại, gồm luôn cả việc nêu

ra hai Tướng (hai thứ thân lực) đã nói ở trước.

- Số câu: “bốn ý này càng về sau là dùng giải thích phần càng lùi về trước” Cũng là lần lượt để thông tỏ chỗ vấn nạn. Tức là có vấn nạn: “Thế nào là sự việc xong? Nhập định là thọ nhận sự gia hộ của Phật. Nay đã đạt được diệu lực thù thắng, nên là sự việc đã xong. Vậy xin hỏi: Tuy đạt được diệu lực thù thắng, sao chẳng cùng nhập định?” Đáp: “Thời gian thuyết pháp đã đến.” Lại hỏi: “Vì sao không ở trong định thuyết giảng?” Đáp: “Trong định là thuyết giảng theo cách “Vô ngôn”

- (Số.) Câu: “Tuy nhiên, Thể của mười Trụ lược có ba thứ”: Là nếu lập thành chương, môn, thì lược dùng năm môn phân biệt để nói về mười Trụ:

Một: Giải thích tên gọi.

Hai: Nêu ra Thể.

Ba: Biện giải về Tướng.

Bốn: Xác định về Bậc.

Năm: Phân biệt các môn.

Nay nơi Kinh và phần Số giải đều gồm đủ năm môn kia. Trong phần một giải thích tên gọi thì có chung có riêng. Chung như ở phẩm thứ nhất. Tên gọi riêng như đã nói nơi phần gốc. Phần hai là nêu ra Thể tức văn hiện đang đề cập. Phần Biện giải về Tướng thì như nơi văn của Kinh. Phần xác định về bậc, vị thì phần tiếp sau sẽ nêu rõ. Phân biệt các môn thì bao hàm ở trong văn trước sau.

Nay, ở đây là phần “Nêu ra Thể” lược có ba lớp:

- Số từ câu: “Nay căn cứ nơi Thể gốc” tiếp xuống: Là giải thích văn. Gồm hai:

Một: Xét theo Kinh để giải thích.

Hai: Từ câu: “Nay dựa theo Địa Luận” tiếp xuống: Là dẫn thêm Luận để giải thích. Trong phần này lại phân làm hai:

Thứ nhất: Giải thích về câu chung.

Văn nơi phần thứ nhất này gồm bốn:

Một là, giải thích tóm lược.

Hai là, Câu: “Đều là Thể của bậc hiện có”: Là tóm kết phần trước để phát sinh phần sau.

Ba là, Câu: “Mà có được tên gọi thì chẳng đồng”: Là nêu dẫn chung.

Bốn là, Từ câu: “Nhưng ba Hiền mười Thánh” tiếp xuống: Là nêu bàn rộng. Phần này gồm năm chi tiết:

Một: Nêu lên.

Hai: Từ câu: “Tâm Bồ đề có ba” tiếp xuống: Là nêu dẫn Luận để biện giải về Tướng. Tức nơi Luận Khởi Tín, trong phần “Tín tâm tu hành”, biện giải về sự phát tâm của Tín thành tựu.

Ba: Từ câu: “Chỗ niệm về chân như” tiếp xuống: Là phần Sở giải thích đoạn Luận được nêu dẫn.

Bốn: Từ câu: “Nhưng ba Tâm ấy” tiếp xuống: Là biện giải về chỗ sai biệt của việc trải qua các bậc, chính là đáp lại chỗ nêu dẫn chung, “Do đâu mà có được gọi tên chẳng đồng”.

Năm: Từ câu: “Nay, quả vị của Trụ này gọi là trụ xứ” tiếp xuống: Là chính thức giải thích phần Kinh hiện nay.

Trong chi tiết bốn, nói “Tâm chánh trực tăng trưởng nên gọi là Giải” Tức chánh niệm về chân như là sự lãnh hội (Giải) của Trí.

Nói “Ba Tâm cùng chứng đắc gọi là khéo quyết định”: Tức chứng đắc về Lý không sai biệt.

Từ câu: “Mà đại bi đứng đầu” tiếp xuống: Là nằm thông tỏ chỗ vướng mắc do vấn nạn. Vấn nạn nêu: “Nếu đã gồm chung là ba Tâm thì sao lại cho Thể của Địa là Nguyên, là khéo quyết định?” Ý của phần thông tỏ có thể nhận biết. Câu “Đại bi là đứng đầu” tức văn nơi phần sau của Kinh.

